

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 03 - 2021

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn

Bà Nguyễn Thị Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22/03/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2679/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981.

HKTT: 83/34 Lphường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi ở hiện nay: ấp B, xã Ph, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Nghiênm Hà Bảo Tr, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Hẻm 38 H, Khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Nguyễn Thanh T, bà Nghiênm Hà Bảo Tr có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nghiênm Hà Bảo Tr xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân tự nguyện, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Từ năm 2017 đến nay chúng tôi đã ly thân với nhau, tôi chuyển về Nh sinh sống và yêu cầu bà Tr chuyển về Nh sinh sống cùng nhưng bà Tr không về, bà Tr tự ý thay số điện thoại của tôi để đăng ký sổ liên lạc của con tôi, không cho tôi biết tình hình tài chính kinh tế gia đình mặc dù tôi vẫn gửi tiền hàng tháng cho bà Tr. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn xin ly hôn với bà Nghiênm Hà Bảo Tr.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 07/02/2014. Ly hôn tôi đồng ý giao 02 con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời tôi cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu một tháng 2.500.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nghiêm Hà Bảo Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân tự nguyện, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng sau đây phát mâu thuẫn nên năm 2017 ông T xin việc làm ở Nh và ở lại chỗ làm, cuối tuần mới về nhà một lần. Từ tháng 8 năm 2020, ông T đề nghị tôi nghỉ việc để chuyển về Nh nhưng tôi không đồng ý nên ông T đã làm đơn xin ly hôn, từ khi Tòa án hòa giải cho vợ chồng bà ngày 08/01/2021 đến nay, vợ chồng không gặp nhau, ông T không cho bà cơ hội gặp mặt cũng như không gọi điện hỏi thăm, chia sẻ cùng nhau, hai vợ chồng không chung sống cùng nhau, tôi nhận thấy mâu thuẫn thật sự khó hàn gắn nhưng tôi vẫn không muốn ly hôn vì tôi không muốn con tôi không có cha.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 07/02/2014. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, tạm thời ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng cho 01 con chung cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh T, cho ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Nghiêm Hà Bảo Tr; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 07/02/2014. Giao cho bà Nghiêm Hà Bảo Tr được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Khánh Đ và Nguyễn Hoàng B, tạm thời ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu 2.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung: theo ông bà trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nghiêm Hà Bảo Tr hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà Nghiêm Hà Bảo Tr, bà có đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng sau đó bà có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử, ông T cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với ông T, bà Tr.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nghiêm Hà Bảo Tr và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không bị ai đe dọa, cưỡng ép nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống theo ông Nguyễn Thanh T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng ông bà đã ly thân với nhau, ông chuyển về Nh sinh sống và yêu cầu bà Tr chuyển về Nh sinh sống cùng nhưng bà Tr không về, ông không biết gì về tình hình tài chính, kinh tế của gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T làm đơn xin ly hôn với bà Nghiêm Hà Bảo Tr.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nghiêm Hà Bảo Tr là có thật, thể hiện bà Tr cũng thừa nhận hai vợ chồng sống chung có mâu thuẫn, nên năm 2017, ông T xin việc làm ở Nh và ở lại chỗ làm, cuối tuần mới về nhà một lần. Từ tháng 8 năm 2020, ông T đề nghị bà nghỉ việc để chuyển về Nh nhưng bà không đồng ý, từ khi Tòa án hòa giải cho vợ chồng bà vào ngày 08/01/2021 đến nay, vợ chồng không gặp nhau, ông T không cho bà cơ hội gặp mặt cũng như không gọi điện hỏi thăm, chia sẻ cùng nhau, hai vợ chồng cũng không chung sống cùng nhau, bà nhận thấy mâu thuẫn thật sự khó hàn gắn nhưng bà vẫn không muốn ly hôn vì bà không muốn con bà không có cha.

Thiết nghĩ, mâu thuẫn giữa ông T và bà Tr theo ông bà trình bày là thật sự trầm trọng, quá trình giải quyết bà Tr làm đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cũng như xét xử, ông T cũng làm đơn xin vắng mặt tại các buổi xét xử, thể hiện ông bà bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng, không có ý muốn hàn gắn đoàn tụ. Căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh T, giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nghiêm Hà Bảo Tr là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Bà Nghiêm Hà Bảo Tr và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 07/02/2014. Khi ly hôn ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu 2.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Bà Tr có

nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu 2.500.000 đồng. Hiện hai con đang ở với mẹ, cháu Đăng cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Thiết nghĩ nên giao hai con chung cho bà Tr được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Tạm thời ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu 2.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của bà Nghiêm Hà Bảo Tr và ông Nguyễn Thanh T là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Thanh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0007650 ngày 04/12/2020, ông Nguyễn Thanh T đã nộp xong.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được xem xét trong quá trình nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 54, 56, 57, 58; 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Nghiêm Hà Bảo Tr.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 07/02/2014. Giao cho bà Nghiêm Hà Bảo Tr được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Khánh Đ và Nguyễn Hoàng B, tạm thời ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu 2.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Thanh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0007650 ngày 04/12/2020, ông Nguyễn Thanh T đã nộp xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nghiêm Hà Bảo Tr và ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Thành phố B;
- THADS Thành phố B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS Thành phố B
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên